

Số: 38 /NQ-HĐND

Phú Giáo, ngày 16 tháng 9 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO
KHÓA V - KỲ HỌP THỨ HAI

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch đầu tư công năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội
đồng nhân dân huyện Phú Giáo về Kế hoạch đầu tư công năm 2021;*

*Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2021 của UBND huyện
Phú Giáo về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2021; Báo cáo thẩm tra
số 90/BC-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến
của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2021 là 123.570 triệu đồng (*Một trăm hai mươi ba tỷ, năm trăm bảy mươi triệu đồng*). Phân bổ vốn đầu tư từng danh mục, dự án theo phụ lục đính kèm. Cụ thể:

- Công trình chuyển tiếp: 06 công trình, kế hoạch vốn bố trí 49.470 triệu đồng.
- Khởi công mới: 05 công trình, kế hoạch vốn bố trí 51.500 triệu đồng.
- Chuẩn bị đầu tư: 06 công trình, kế hoạch vốn bố trí 600 triệu đồng.
- Vốn phân cấp 11 xã - thị trấn: 22 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn huyện quản lý theo đúng các quy định của pháp luật.



Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Phú Giáo khoá V, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 16 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- TT HU, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- Website huyện;
- VP HĐND-UBND huyện;
- Thường trực HĐND-UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

HL

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Mỹ Hằng

Phụ lục

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 38 /NQ-HĐND ngày 16/9/2021
của Hội đồng nhân dân huyện Phú Giáo)*



Đvt: triệu đồng

Số TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu năm	Kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
A	B	1	2	3
	TỔNG SỐ (I+II)	123.570	123.570	0
I	PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	101.570	101.570	
A	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP	34.600	49.470	
1	Xây dựng nhà khách Công an Huyện	600	585	
2	Xây dựng trụ sở làm việc MTTQ, khối đoàn thể xã Vĩnh Hòa	2.320	2.230	
3	Nâng cấp đường ĐH 502 (Từ Ngã 3 cây khô đến cầu Vàm vá 2)	2.680	1.930	
4	Bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Vĩnh Hòa	10.000	21.410	
5	Đền bù, giải tỏa khu đất phía sau trụ sở Huyện ủy và phía sau trụ sở Khối vận huyện	19.000	23.088	
6	Đường ĐH 514		227	Bổ sung danh mục
B	KHỞI CÔNG MỚI 2021	66.370	51.500	
1	Đường nội bộ khu tái định cư khu phố 9	35.870	30.000	
2	Xây dựng trụ sở Công an xã An Linh	8.000	5.000	
3	Xây dựng trụ sở xã đội Tam Lập	8.000	5.000	
4	Xây dựng mới cầu Ba Bi (xã An Bình đi xã Tân Lập huyện Đồng Phú)	9.000	6.000	
5	Xây dựng mới cầu Ba Điền (xã An Bình đi xã Tân Lập huyện Đồng Phú)	5.500	5.500	
C	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	600	600	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Kim Đồng	100	100	
2	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Văn Tám	100	100	
3	Xây dựng cầu Tân Thái (xã An Thái)	100	100	
4	Xây dựng doanh trại Quân đội huyện Phú Giáo (Giai đoạn 3)	100	100	
5	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã An Bình	100	100	
6	Xây dựng nhà ăn, nhà nghỉ trưa trường THCS Trần Hưng Đạo	100	100	



Số TT	Danh mục công trình	Kế hoạch đầu năm	Kế hoạch điều chỉnh	Ghi chú
II	PHÂN CẤP 11 XÃ- THỊ TRẤN	22.000	22.000	
1	TT. Phước Vĩnh	2.500	2.500	
2	Xã Phước Hòa	2.000	2.000	
3	Xã Vĩnh Hòa	2.000	2.000	
4	Xã An Bình	2.300	2.300	
5	Xã Tân Hiệp	2.000	2.000	
6	Xã Phước Sang	2.000	2.000	
7	Xã An Linh	1.800	1.800	
8	Xã Tân Long	2.000	2.000	
9	Xã An Long	1.800	1.800	
10	Xã Tam Lập	1.800	1.800	
11	Xã An Thái	1.800	1.800	

